

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Việt Hồng Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Phước H, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp B1, xã B2, huyện C1, tỉnh An Giang (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp B3, xã A, huyện C2, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Phước H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hoài T kết hôn năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 11/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B2, huyện C1, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có một con chung tên Lê Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/12/2015 hiện đang sống với bà T. Ông H đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi Thẩm phán và Thư ký Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

\* Tại phiên tòa:

- Ông Lê Phước H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa ông Lê Phước H và bà Nguyễn Thị Hoài T là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 26/01/2021 Công an xã A, huyện C2, tỉnh An Giang xác định bà Nguyễn Thị Hoài T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện C2, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* Nguyên đơn ông Lê Phước H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

### *[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Ông Lê Phước H và bà Nguyễn Thị Hoài T kết hôn năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 11/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B2, huyện C1, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp

pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông H và bà T được đoàn tụ, nhưng ông H cương quyết ly hôn, bà T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, điều này chứng tỏ bà T cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với ông H. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

**2.2 Về con chung:** Ông Lê Phước H và bà Nguyễn Thị Hoài T có một con chung tên Lê Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/12/2015 hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa cũng như quá trình tố tụng ông H có ý kiến đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu T2 còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu T2 nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H để bà T được tiếp tục nuôi con chung.

**2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Ông Lê Phước H có ý kiến trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung, bà Nguyễn Thị Hoài T không có văn bản yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng.

**2.4 Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Ông H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**[4] Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước H.

**1. Về hôn nhân:** Ông Lê Phước H được ly hôn bà Nguyễn Thị Hoài T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã B2, huyện C1, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

**2. Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Hoài T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/12/2015.

Ông Lê Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Ông Lê Phước H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007287 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo:* Ông Lê Phước H và bà Nguyễn Thị Hoài T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**